BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 6324/BC-BNN-QLDN	*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2016*

BÁO CÁO
Sơ kết công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - cơ quan thường trực sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp báo cáo sơ kết triển khai thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị khóa XI (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 30-NQ/TW) và Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định 118/2014/NĐ-CP) đến ngày 30/6/2016, như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về ban hành văn bản hướng dẫn chỉ đạo

a) Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành 04 thông tư; Bộ Tài chính đã ban hành 03 thông tư; Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã ban hành 01 thông tư; Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành 01 thông tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành 01 thông tư; Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính đã ban hành 01 thông tư liên tịch.

Như vậy các hướng dẫn đã đầy đủ để thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết 30-NQ/TW và Nghị định 118/2014/NĐ-CP. *(Phụ lục 01 kèm theo)*

b) Ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành

Văn phòng Chính phủ đã ban hành 04 văn bản; Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp đã ban hành 05 văn bản; Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành 04 văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ. *(Phụ lục 02 kèm theo)*

2. Tổ chức triển khai

- Ngày 15/7/2014, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh chủ trì tổ chức hội nghị Triển khai Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị

về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Ngày 06/05/2015, Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chủ trì phối hợp cùng các Bộ, ngành liên quan tổ chức hội nghị trực tuyến hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị định 118/2014/NĐ-CP và Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT.

- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn xây dựng và triển Phương án tổng thể tại các địa phương: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Nghệ An, Quảng Nam, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN, Tổng công ty cà phê Việt Nam.

II. VỀ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, TRÌNH VÀ TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ

1. Thẩm định phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp

a) Cả nước có 49 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty (sau đây viết chung là địa phương, doanh nghiệp) là có công ty nông, lâm nghiệp, trong đó có 41 địa phương, doanh nghiệp phải xây dựng phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt; 08 địa phương, doanh nghiệp thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp gắn với thực hiện Nghị định 118/2014/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ quyết định riêng.

Đến ngày 30/06/2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thẩm định 40/41 Phương án tổng thể của địa phương, doanh nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ. 37 Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 02 phương án chưa được phê duyệt (Sơn La, thành phố Hồ Chí Minh); 01 Phương án đã tổ chức thẩm định nhưng phải tiếp tục hoàn thiện (thành phố Cần Thơ); 02 Phương án bổ sung do có thay đổi về công ty nông, lâm nghiệp (Thanh Hóa và Nghệ An); 01 địa phương chưa xây dựng phương án (Hà Nội). *(Phụ lục 03 kèm theo)*

b) Tổng số công ty nông, lâm nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp, đổi mới theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP là 254 công ty gồm: 120 công ty nông nghiệp; 134 công ty lâm nghiệp.

Đến 30/6/2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thẩm định đối với 251 công ty (117 công ty nông nghiệp, 134 công ty lâm nghiệp). Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mô hình sắp xếp tại phương án tổng thể đối với 243 công ty (114 công ty nông nghiệp, 129 công ty lâm nghiệp).

Các mô hình sắp xếp, đổi mới gồm: tái cơ cấu duy trì mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực

hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: 17 công ty; Tái cơ cấu, duy trì mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ công ích: 60 công ty; chuyển thành công ty cổ phần: 103 công ty; tái cơ cấu chuyển thành công ty TNHH hai thành viên trở lên: 37 công ty; chuyển thành BQL rừng: 04 công ty; giải thể: 28 công ty; sáp nhập vào BQL rừng phòng hộ liền kề: 01 công ty. *(Phụ lục 04 kèm theo)*

2. Triển khai phương án tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Theo báo cáo nhanh của địa phương, doanh nghiệp, sau khi Phương án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến 10/7/2016, đã có: 14/14 công ty nông nghiệp và 03/03 công ty lâm nghiệp đang triển khai tái cơ cấu để nâng cao hiệu quả, duy trì mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; 43/60 công ty lâm nghiệp đang triển khai tái cơ cấu để nâng cao hiệu quả, duy trì mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích. 02/04 công ty lâm nghiệp đang chuyển thành Ban quản lý rừng hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập có thu. 47/73 công ty nông nghiệp và 26/30 công ty lâm nghiệp đang tiến hành cổ phần hóa, trong đó đã hoàn thành 12; 03/17 công ty nông nghiệp và 15/20 công ty lâm nghiệp đang chuyển thành công ty TNHH hai thành viên trở lên, trong đó đã hoàn thành 03; 08/12 công ty nông nghiệp và 02/16 công ty lâm nghiệp thực hiện các bước giải thể.

3. Về quản lý, sử dụng, đo đạc, rà soát đất đai

a) Quản lý sử dụng đất

- Tổng diện tích đất các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng trước khi sắp xếp lại theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP: **2.383.611,87** ha, bao gồm các công ty tự tổ chức sản xuất: **1.608.067,05** ha; khoán: **545.305,03** ha; liên doanh liên kết: **52.505,64** ha; diện tích có tranh chấp, lấn chiếm: **149.087,83** ha.

- Dự kiến sắp xếp lại đất đai các công ty giữ lại quản lý, sử dụng **1.938.337,80** ha; giao về địa phương: **452.055,37** ha.

(Phụ lục 05, 06, 07, 08 kèm theo)

b) Về đo đạc, rà soát, cắm mốc ranh giới

- Cả nước có 283 công ty, chi nhánh công ty trên địa bàn 41 tỉnh phải lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Nghị định 118/2014/NĐ-CP.

- Đến hết tháng 6/2016, 28 tỉnh đã lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán, trong đó: 18 tỉnh đã có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh; 10 tỉnh đã được Tổng cục Quản lý đất đai, Bộ Tài Nguyên và Môi trường góp ý nhưng chưa phê duyệt;

- 12 tỉnh chưa lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán.

4. Tình hình tài chính của các công ty

a) Tổng hợp tại Phương án tổng thể và báo cáo của các địa phương, doanh nghiệp đến 31/12/2015, giá trị tài sản theo sổ sách của các công ty nông, lâm nghiệp là 40.517 tỷ đồng; bình quân lợi nhuận trước thuế ba năm 2012 - 2013 - 2014 là 2.797 tỷ đồng. Khối các công ty nông nghiệp chiếm tỷ trọng tài sản và lợi nhuận cao hơn khối các công ty lâm nghiệp.

b) Tổng số lỗ lũy kế 1.071 tỷ đồng chiếm 4% vốn chủ sở hữu, số lỗ lũy kế tập trung phần lớn tại các công ty nông nghiệp, nhiều có công ty lỗ lũy kế trên 20 tỷ đồng.

c) Về kinh phí hỗ trợ cho việc rà soát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với công ty nông, lâm nghiệp:

- Tại văn bản số 539/VPCP-KTTH ngày 22/01/2015 của Văn phòng Chính phủ, Trung ương hỗ trợ 70% cho các địa phương nhận bổ sung cân đối ngân sách từ trung ương, các địa phương khác tự đảm bảo kinh phí, theo đó tổng kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ 40 địa phương là trên 647 tỷ đồng.

- Năm 2015, thực hiện Quyết định số 2394/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp, Bộ Tài chính đã cấp bổ sung 150 tỷ đồng cho các địa phương.

- Năm 2016, Quốc hội quyết định hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương để thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các công ty nông, lâm nghiệp là 300 tỷ đồng.

- Đối với số kinh phí còn lại là 197 tỷ đồng, trong quá trình điều hành ngân sách năm 2016, Bộ Tài chính sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Ngoài ngân sách Trung ương, các công ty nông lâm nghiệp tiến hành cổ phần hóa được sử dụng nguồn thu bán vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cho công tác đo đạc đất đai (Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được sử dụng khoảng 156 tỷ đồng theo Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

d) Về kinh phí bảo vệ rừng tự nhiên đối với các công ty lâm nghiệp quản lý sau khi ngừng khai thác theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp cho các địa phương 136,974 tỷ đồng, (năm 2015 là 86,229 tỷ đồng cho 18 địa phương; năm 2016 là 50,745 tỷ đồng cho 13 địa phương).

5. Về lao động

a) Theo số liệu tại Phương án tổng thể, số lao động trong các công ty đến thời điểm 30/6/2015 là 148.082 người, dự kiến tiếp tục sử dụng sau khi sắp xếp là 137.887 người (chiếm 93,12%).

Theo báo cáo của Bộ Lao động thương binh và Xã hội có 196 công ty nông, lâm nghiệp phải giải quyết chế độ cho khoảng 5.100 người lao động bị thôi việc, mất việc làm, trong đó khoảng 3.400 lao động nghỉ việc hưởng chế độ đối với người lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định số 63/2015/NĐ-CP và 1.600 người lao động nghỉ việc hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước.

b) Về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động làm việc theo hợp đồng nhận khoán, theo quy định tại Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ, thì người lao động hợp đồng nhận khoán tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng theo tỷ lệ % trên mức đóng hàng tháng.

c) Về Bảo hiểm thất nghiệp, theo quy định tại Luật Việc làm, thì người lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Như vậy, người lao động làm việc theo hợp đồng nhận khoán không hưởng lương từ doanh nghiệp, không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Sau hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết 30/NQ-TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp đã nỗ lực triển khai thực hiện, đạt được những kết quả nhất định, nhưng cũng đã xuất hiện một số khó khăn, vướng mắc sau:

1. Sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp liên quan đến giải quyết đất đai, lao động và tài sản trên đất, nhất là đối với diện tích các công ty đã khoán ổn định lâu dài, khi xây dựng đề án, phương án cần phải thống nhất với địa phương cơ sở và người nhận khoán, nên cần có thời gian để thực hiện và tạo sự đồng thuận của xã hội và đảm bảo tính khả thi của đề án và phương án.

2. Nhiều địa phương khó khăn trong việc lựa chọn mô hình sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, nhất là về xác lập tiêu chí lựa chọn đối tác trong mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên; xác định địa bàn chiến lược,

vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa gắn với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

3. Về kinh phí đo đạc rà soát, cắm mốc ranh giới đất đai sắp xếp công ty nông, lâm nghiệp đã được Chính phủ giải quyết một bước. Tuy nhiên, nhu cầu kinh phí theo dự toán của các địa phương, đơn vị cần trên 1.200 tỷ đồng, ngân sách Trung ương mới bố trí được 450 tỷ đồng; cùng với đó những khó khăn của các địa phương không có nguồn thu bù đắp cho 30% kinh phí do ngân sách địa phương bổ sung; nhất là hoạt động đo đạc, rà soát đất đai dự kiến giao về địa phương không có kinh phí để thực hiện.

4. Việc thực hiện bàn giao đất từ các công ty về địa phương gặp nhiều khó khăn, nhất là khu vực Tây Nguyên: trước đây một phần đất do đồng bào góp để thành lập các công ty, diện tích đất bàn giao về địa phương đa phần đều đã giao khoán, cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, bị lấn chiếm, đang có tranh chấp; đất có tài sản trên đất phải định giá hoàn vốn đầu tư, việc giải quyết dứt điểm các tồn tại này rất phức tạp, nên một số địa phương chưa thống nhất tiếp nhận đất do công ty bàn giao.

5. Trong quá trình cổ phần hóa công ty phải kiểm kê, phân loại, xác định giá trị vườn cây, rừng trồng, nên chi phí cổ phần hóa cao hơn quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ; Thông tư 196/2011/TT-BCT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, do đó nhiều địa phương, doanh nghiệp đang gặp lúng túng về nguồn kinh phí.

Theo quy định tại Quyết định 09/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đối với các đơn vị có diện tích lớn, việc thực hiện sẽ kéo dài ảnh hưởng đến thời gian thực hiện cổ phần hóa.

6. Về một số cơ chế, chính sách hiện hành

- Kết quả sản xuất kinh doanh nông, lâm nghiệp lợi nhuận không cao, nhiều công ty còn phải thực hiện một số chức năng xã hội, thực hiện khoán cho người dân và giữ quỹ đất dự trữ cho địa phương, nhưng vẫn phải nộp tiền thuê đất toàn bộ diện tích được Nhà nước giao hoặc cho thuê, nên gặp rất nhiều khó khăn.

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế không quy định được áp dụng đối với trường hợp lao động, viên chức dôi dư do tái cơ cấu sắp xếp lại công ty nông, lâm nghiệp theo hình thức đổi mới phát triển công ty TNHH MTV Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nên không được giải quyết chế độ đối với đối tượng này.

IV. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

Yêu cầu các địa phương, Bộ, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ việc sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp trên thực tiễn theo đúng phương án tổng thể, đề án được phê duyệt, cơ bản hoàn thành chậm nhất vào Quý II/2017. Trong đó 77 công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn nhà nước, 4 công ty chuyển thành Ban quản lý rừng phải hoàn thành việc sắp xếp trong năm 2016.

1. Đối với Trung ương

a) Hoàn thành phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp đối với các tỉnh Sơn La, thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội trong tháng 8/2016.

b) Tiếp tục hoàn thành các văn bản quy phạm pháp luật để các công ty nông, lâm nghiệp hoạt động có hiệu quả sau khi sắp xếp, gồm:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính chủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước và Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 8/11/2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh trong quý III/2016.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về "Chính sách đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng; thu hút và khuyến khích đầu tư; đặt hàng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp" trong tháng 8/2016.

- Bộ Tài chính: nghiên cứu bổ sung, cơ chế tài chính phù hợp với sắp xếp, công ty nông, lâm nghiệp.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn cơ chế hợp đồng, thanh toán đối với các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn và giải quyết các khó khăn, vướng mắc về đất đai trong sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp.

d) Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp chủ trì tổ chức các Đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc hướng dẫn các địa phương triển khai phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới nhất là cổ phần hóa và chuyển công ty nông, lâm nghiệp thành công ty TNHH hai thành viên.

2. Đối với các địa phương

- Thành phố Hà Nội và Cần Thơ; tỉnh Sơn La và Nghệ An khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và bổ sung phương án tổng thể gửi Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hoàn thành trong tháng 8/2016; tỉnh Thanh Hóa trong Quý 3/2016.

- Các địa phương, đơn vị chưa phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khẩn trương hoàn thành chậm nhất trong tháng 8/2016.

- Triển khai thực hiện trên thực tiễn, nghiêm túc phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt cơ bản hoàn thành trong năm 2017.

- Quản lý toàn diện các công ty trên địa bàn kể cả doanh nghiệp của Trung ương; hoàn thành việc rà soát đất đai, đo đạc, cắm mốc, xây dựng phương án sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp trong năm 2016, nhưng phải đảm bảo chất lượng.

- Chủ động giải quyết để các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện việc sắp xếp lại theo Đề án, những vấn đề vượt quá khả năng của địa phương, nhất là cơ chế chính sách, tổng hợp báo cáo đề xuất Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu giải quyết.

C. KIẾN NGHỊ

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định 118/2014/NĐ-CP:

- Bổ sung hình thức phá sản công ty nông lâm nghiệp theo Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh.

- Bổ sung hình thức sáp nhập, hợp nhất các công ty nông, lâm nghiệp cùng chủ sở hữu để nâng cao giá trị và quy mô doanh nghiệp phù hợp, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý được vườn cây, rừng trồng, gắn với chế biến, ứng dụng khoa học công nghệ mới và tổ chức thị trường, không gây xáo trộn lớn nhất là lao động nhận khoán.

2. Bộ Lao động thương binh và Xã hội nghiên cứu bổ sung quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP về trường hợp viên chức quản lý doanh nghiệp dôi dư do sắp xếp lại công ty nông, lâm nghiệp nhưng vẫn giữ loại hình công ty TNHH MTV nhà nước chiếm 100% vốn điều lệ, được thực hiện chế độ về tinh giản biên chế đối với công chức; chính sách hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động chấm dứt hợp đồng nhận khoán.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách cho vay phù hợp với đặc thù của sản xuất nông, lâm nghiệp theo chu kỳ sản xuất của cây trồng vật nuôi.

4. Giải quyết kịp thời kinh phí đo đạc đất các công ty nông lâm nghiệp giao về địa phương; kinh phí đặt hàng giao nhiệm vụ công ích; kinh phí kiểm kê,

phân loại, xác định giá trị vườn cây, rừng trồng để cơ bản hoàn thành công tác này trong 2016.

Trên đây là báo cáo triển khai thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 12/03/2014 của Bộ Chính trị khóa XI; Nghị định 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTDN;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và xã hội; Quốc phòng;
- Ngân hàng Nhà nước;
- UBND các tỉnh TP trực thuộc Trung ương;
- Tập đoàn CN Cao su Việt Nam;
- Các Tổng công ty: Cà phê Việt Nam; Giấy Việt Nam; Chè Việt Nam; Lâm nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, QLDN (80b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hà Công Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: **1156**/SY-UBND

Nơi nhận:
- Các Sở: NN&PTNT, TC;
- Lãnh đạo VP, K13;
- Lưu: VT (08b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 03 tháng 8 năm 2016

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Đức Thi

Phụ lục 1: Văn bản Quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Nghị định 118/2014/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số: 6324/BC-BNN-QLDN ngày 27/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014;

2. Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về phương án quản lý rừng bền vững;

3. Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất;

4. Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

5. Thông tư số 07/2015/TT-BTMMT ngày 26/2/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

6. Thông tư số 207/2014/TT-BTC ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về xác định tiền thuê đất đối với công ty nông, lâm nghiệp sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

7. Thông tư số 51/2015/TT-BTC ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài chính khi sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

8. Thông tư số 52/2015/TT-BTC ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về cơ chế tài chính đặc thù sau khi sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

9. Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/4/2015 của liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá trị rừng trồng, vườn cây khi thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

10. Thông tư 11/2014/TT-NHNN ngày 20/8/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về việc xử lý các khoản nợ vay của công ty nông, lâm nghiệp tại tổ chức tín dụng khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP;

11. Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Phụ lục 2: Các văn bản chỉ đạo điều hành

(Kèm theo Báo cáo số: 6324/BC-BNN-QLDN ngày 27/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Công văn số 1640/VPCP-ĐMDN ngày 10/3/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

2. Công văn số 2259/BNN-QLDN ngày 19/3/2015 và công văn số 2759/BNN-QLDN ngày 06/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng đề án, phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp và kế hoạch thẩm định phương án tổng thể;

3. Quyết định 1284/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban Chỉ đạo sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;

4. Quyết định số 1285/QĐ-BNN-QLDN ngày 17/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Hội đồng thẩm định Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp;

5. Công văn số 5526/VPCP-ĐMDN ngày 16/7/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Nghị định 118/2014/NĐ-CP;

6. Công văn số 95/BĐMDN ngày 05/8/2015 của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về việc triển khai Nghị định 118/2014/NĐ-CP;

7. Công văn số 158/BĐMDN ngày 6/10/2015 của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về việc triển khai Nghị định 118/2014/NĐ-CP.

8. Công văn số 197/BĐMDN ngày 05/11/2015 của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về việc triển khai Nghị định 118/2014/NĐ-CP.

9. Công văn số 539/VPCP – KTTH ngày 22/01/2015 của Văn phòng Chính phủ về kinh phí đo đạc, rà soát đất đai công ty nông, lâm nghiệp;

10. Công văn số 7072/VPCP-KTTH ngày 09/9/2015 của Văn phòng Chính phủ về về kinh phí đo đạc, rà soát đất đai công ty nông, lâm nghiệp;

11. Quyết định số 2394/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền các công ty nông, lâm nghiệp;

12. Công văn số 61/BĐMDN ngày 28/04/2016 của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về triển khai Nghị định 118/2014/NĐ-CP;

13. Công văn 104/BĐMDN ngày 13/6/2016 của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Nghị định 118/2014/NĐ-CP

PHỤ LỤC 03: DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, BỘ NGÀNH CÓ CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số 6324/BC-BNN-QLDN ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG		GHI CHÚ
		CÔNG TY NÔNG NGHIỆP	CÔNG TY LÂM NGHIỆP	
1	BỘ QUỐC PHÒNG	8		Công văn 25/TTg-ĐMDN 30/03/2015
2	TỔNG CÔNG TY GIẤY VN		2	Công văn 6770/VPCP-ĐMDN ngày 05/12/2014
3	TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP		7	Quyết định 215/QĐ-TTg ngày 03/02/2016
4	TỔNG CÔNG TY CHÈ	1		Quyết định 864/QĐ-TTg ngày 16/06/2015
5	TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM	27		Công văn 2252/TTg-ĐMDN ngày 10/12/2015
6	TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM	22		Công văn số 2296/TTg-ĐMDN ngày 16/12/2015
7	VĨNH PHÚC	1		Công văn số 445/TTg-ĐMDN ngày 03/04/2015
8	HÒA BÌNH	5		Công văn số 49/TTg-ĐMDN ngày 07/01/2016
9	SƠN LA	1	5	Chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
10	YÊN BÁI		7	Công văn số 2112/TTg-ĐMDN ngày 19/11/2015
11	LÀO CAI	2	2	Công văn số 1944/TTg-ĐMDN ngày 30/10/2015
12	TUYÊN QUANG		5	Công văn số 327/TTg-ĐMDN ngày 01/03/2016
13	THÁI NGUYÊN	1	2	Công văn số 210/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2016
14	BẮC KẠN		1	Công văn số 278/TTg-ĐMDN ngày 23/02/2016
15	QUẢNG NINH		8	Công văn số 1500/TTg-ĐMDN ngày 24/8/2015
16	BẮC GIANG		5	Công văn số 326/TTg-ĐMDN ngày 29/02/2016
17	TP HÀ NỘI	1		Chưa xây dựng phương án
18	TP HẢI PHÒNG	1		Công văn 2282/TTg-ĐMDN ngày 15/12/2015
19	NINH BÌNH	1		Công văn số 2287/TTg-ĐMDN ngày 15/12/2016
20	NAM ĐỊNH	2		Công văn số 704/TTg-ĐMDN ngày 28/4/2016
21	THANH HÓA	3		Công văn số 1982/TTg-ĐMDN ngày 03/11/2015
22	NGHỆ AN	7	5	Công văn 321/TTg-ĐMDN ngày 26/02/2016
23	HÀ TĨNH		2	Công văn số 1857/TTg-ĐMDN ngày 20/10/2015
24	QUẢNG BÌNH	2	2	Công văn số 1682/TTg-ĐMDN ngày 21/9/2015
25	QUẢNG TRỊ		3	Công văn số 2119/TTg-ĐMDN ngày 20/11/2015
26	THỪA THIÊN - HUẾ		4	Công văn số 328/TTg-ĐMDN ngày 02/03/2016

TT	ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG		GHI CHÚ
		CÔNG TY NÔNG NGHIỆP	CÔNG TY LÂM NGHIỆP	
27	QUẢNG NAM	1		Công văn số 2176/TTg-ĐMDN ngày 01/12/2015
28	QUẢNG NGÃI	1	2	Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015
29	KHÁNH HÒA		2	Công văn số 1274/TTg-ĐMDN ngày 05/8/2015
30	BÌNH ĐỊNH		3	Công văn số 1548/TTg-ĐMDN ngày 01/9/2015
31	KON TUM		7	Công văn số 1829/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015
32	GIA LAI	3	11	Công văn số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015
33	ĐẮK NÔNG	2	14	Công văn số 1827/TTg-ĐMDN ngày 14/10/2015
34	ĐẮK LẮK	10	15	Công văn số 1832/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015
35	LÂM ĐỒNG		8	Công văn số 2201/TTg-ĐMDN ngày 04/12/2015
36	BÌNH PHƯỚC	3		Công văn số 2286/TTg-ĐMDN ngày 15/12/2015
37	NINH THUẬN		2	Công văn số 507/TTg-ĐMDN ngày 29/03/2016
38	BÌNH THUẬN		4	Công văn số 2095/TTg-ĐMDN ngày 16/11/2015
39	TP HỒ CHÍ MINH	2		Chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
40	TÂY NINH	5		Công văn số 76/TTg-ĐMDN ngày 13/01/2012
41	BÌNH DƯƠNG	1	1	Công văn số 2444/TTg-ĐMDN ngày 05/12/2014
42	ĐỒNG NAI	3		Công văn số 2022/TTg-ĐMDN ngày 09/11/2015
43	BÀ RỊA - VŨNG TÀU		1	Công văn số 329/TTg-ĐMDN ngày 02/03/2016
44	LONG AN	1	1	Công văn số 2205/TTg-ĐMDN ngày 03/12/2015
45	TP CẦN THƠ	2		Phải xây dựng lại phương án trong quý 2/2016
46	CÀ MAU		2	Công văn số 2008/TTg-ĐMDN ngày 06/11/2015
47	SÓC TRĂNG		1	Công văn số 262/TTg-ĐMDN ngày 18/02/2016
48	KIÊN GIANG	1		Công văn số 1454/TTg-ĐMDN ngày 21/8/2015

PHỤ LỤC 04: DANH SÁCH CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP

(Kèm theo báo cáo số 6324/BC-BNN-QLDN ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT			Tên đơn vị	Địa bàn	Chủ sở hữu	Hình thức sắp xếp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP
TS	CT NN	CT LN				
1			BỘ QUỐC PHÒNG			Công văn 25/TTg-ĐMDN 30/03/2015
			Tổng công ty 15 - Binh đoàn 15	Gia Lai, Kon Tum	Bộ Quốc phòng	100 % vốn nhà nước
1	1		Công ty TNHHMTV 72 - Tổng công ty 15	Đức Cơ - Gia Lai	Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
2	2		Công ty TNHHMTV 74 - Tổng công ty 15	Đức Cơ - Gia Lai	Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
3	3		Công ty TNHHMTV 78 - Tổng công ty 15	Sa Thầy - Kon Tum	Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
4	4		Công ty TNHHMTV 715 - Tổng công ty 15	Ia Grai - Gia Lai	Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
5	5		Công ty TNHHMTV 732 - Tổng công ty 15	Ngọc Hồi - Kon Tum	Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
6	6		Công ty TNHHMTV Bình Dương - Tổng công ty 15	Chư Prông - Gia Lai	Binh đoàn 15 - Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
7	7		Công ty TNHHMTV 16 - Binh đoàn 16	Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk	Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
8	8		Công ty TNHHMTV cà phê 15	Cư M'gar, Krông Búk, Krông Pắk - Đắk Lắk; Ia Grai - Gia Lai; Đắk G'long - Đắk Nông	Bộ Quốc phòng	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
2			TỔNG CÔNG TY GIẤY VN		Bộ Công thương	Công văn 6770/VPCP-ĐMDN ngày 05/12/2014
			Công ty lâm nghiệp Cầu Ham - CN TCT	*Bắc Quang - Hà Giang*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Ngòi Sảo - CN TCT	*Bắc Quang - Hà Giang*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Vĩnh Hảo - CN TCT	*Bắc Quang - Hà Giang*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Tân Thành - CN TCT	*Hàm Yên - Tuyên Quang*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Hàm Yên - CN TCT	*Hàm Yên - Tuyên Quang*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	

			Công ty lâm nghiệp Tân Phong - CN TCT	*Hàm Yên - Tuyên Quang*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Đoan Hùng - CN TCT	*Đoan Hùng - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa - CN TCT	*Hạ Hòa - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
9		1	*Công ty lâm nghiệp Sông Thao - CN TCT*	*Hạ Hòa - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	*Cổ phần hóa nhà nước không chi phối*
			Công ty lâm nghiệp Yên Lập - CN TCT	*Yên Lập - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Tam Sơn - CN TCT	*Tân Sơn - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Xuân Đài - CN TCT	*Tân Sơn - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Tam Thắng - CN TCT	*Thanh Sơn - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Tam Thanh - CN TCT	*Tam Nông - Phú Thọ*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Lập Thạch - CN TCT	*Lập Thạch - Vĩnh Phúc*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
			Công ty lâm nghiệp Cẩm Ngọc - CN TCT	*Bá Thước, Ngọc Lặc - Thanh Hóa*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	Công văn 5368/VPCP-ĐMDN ngày 30/6/2016 chuyển giao về UBND tỉnh Thanh Hóa chưa xác định mô hình
			Công ty lâm nghiệp Lang Chánh - CN TCT	*Lang Chánh - Thanh Hóa*	*Tổng công ty Giấy Việt Nam*	
10		2	Công ty TNHHMTV nguyên liệu giấy miền nam	Kon P'lông, Sa Thầy, Ngọc Hồi, Đắk Hà - Kon Tum	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
3			**TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP**		**Bộ Nông nghiệp và PTNT**	**Quyết định 215/QĐ-TTg ngày 03/02/2016**
			Công ty lâm nghiệp Hà Tĩnh (CN TCT)	*Hà Tĩnh*	*Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam*	
11		3	*Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên (CN TCT)*	*Đồng Hỷ, Phú Bình - Thái Nguyên*	*Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam*	*Cổ phần hóa nhà nước chi phối*
			Công ty MDF Gia Lai (CN TCT)	*TX An Khê, Măng Yang, Kông Ch'ro, Krông Pa - Gia Lai*	*Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam*	
12		4	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Hòa Bình	Kỳ Sơn, Lương Sơn, Lạc Thủy, Tân Lạc, Kim Bôi - Hòa Bình	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
13		5	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đông Bắc	Sông Công - Thái Nguyên; Cao Lộc, Hữu Lũng - Lạng Sơn; Yên Thế - Bắc Giang	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
14		6	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ba Tơ	Ba Tơ - Quảng Ngãi	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
15		7	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp La Ngà	Định Quán - Đồng Nai	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối

16		8	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Lộc Bình	Lộc Bình - Lạng Sơn	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
17		9	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đình Lập	Đình Lập - Lạng Sơn	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
	4		**TỔNG CÔNG TY CHÈ**		**Bộ Nông nghiệp và PTNT**	**Quyết định 864/QĐ-TTg ngày 16/06/2015**
18	9		*Công ty chè Mộc Châu - Chi nhánh Tổng công ty*	*Mộc Châu Sơn La*	*Tổng công ty Chè Việt Nam*	*Cổ phần hóa nhà nước không chi phối*
			Công ty chè Sông Cầu - Chi nhánh Tổng công ty	*Sông Cầu Thái Nguyên*	*Tổng công ty Chè Việt Nam*	
			Công ty chè Yên Bái - Chi nhánh Tổng công ty	*Yên Bái*	*Tổng công ty Chè Việt Nam*	
	6		**TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM**		**Bộ Nông nghiệp và PTNT**	**Công văn 2252/TTg-ĐMDN ngày 10/12/2015**
19	10		*Công ty cà phê Ia Sao 1 - CN TCT*	*Ia Grai - Gia Lai*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	*Cổ phần hóa nhà nước chi phối*
			Công ty cà phê Ia Sao 2 - CN TCT	*Ia Grai - Gia Lai*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	
			Công ty cà phê 706 - CN TTC	*Ia Grai - Gia Lai*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	
			Công ty cà phê Đắk Đoa - CN TCT	*Đắk Đoa - Gia Lai*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	
			Công ty cà phê Đắk Uy - CN TCT	*Đắk Hà - Kon Tum*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	
			Công ty cà phê Buôn Hồ - CN TCT	*Buôn Hồ - Đắk Lắk*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	
			Công ty cà phê 719 - CN TCT	*Krông Pắk - Đắk Lắk*	*Tổng công ty Cà phê Việt Nam*	
20	11		Công ty TNHHMTV cà phê Việt Đức	Cư Kuin - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
21	12		Công ty TNHHMTV cà phê Ea Sim	Cư Kuin - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
22	13		Công ty TNHHMTV cà phê Ea Tiêu	Cư Kuin - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
23	14		Công ty TNHHMTV cà phê Việt Thắng	TP Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
24	15		Công ty TNHHMTV cà phê Ia Grai	Ia Grai, Chư Prông - Gia Lai	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
25	16		Công ty TNHHMTV cà phê Đ'Rao	Cư M'gar - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
26	17		Công ty TNHHMTV cà phê 49	Krông Năng - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối

27	18		Công ty TNHHMTV cà phê 52	Ea Kar - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
28	19		Công ty TNHHMTV cà phê 716	Ea Kar - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
29	20		Công ty TNHHMTV cà phê 720	Ea Kar - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
30	21		Công ty TNHHMTV cà phê 721	Ea Kar - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
31	22		Công ty TNHHMTV cà phê 704	Đắk Hà - Kon Tum	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
32	23		Công ty TNHHMTV cà phê 734	Đắk Hà - Kon Tum	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
33	24		Công ty TNHHMTV cà phê 731	Đắk Hà - Kon Tum	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
34	25		Công ty TNHHMTV cà phê Đắk Nông	Đắk R'lấp - Đắk Nông	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
35	26		Công ty TNHHMTV cà phê 715B	M'Đrắk - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
36	27		Công ty TNHHMTV cà phê Ia B'Lan	Ia Grai - Gia Lai	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
37	28		Công ty TNHHMTV cà phê 705	Ia Grai - Gia Lai	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
38	29		Công ty TNHHMTV cà phê 715A	M'Đrắk - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Công ty TNHH 2 TV
39	30		Công ty TNHHMTV cà phê 715C	M'Đrắk - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Công ty TNHH 2 TV
40	31		Công ty TNHHMTV cà phê Ea Ktur	Cư Kuin - Đắk Lắk; Lâm Hà - Lâm Đồng	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Công ty TNHH 2 TV
41	32		C.ty TNHHMTV cà phê Chư Quynh	Cư Kuin - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Giải thể
42	33		Công ty TNHHMTV cà phê Ea H'Nin	Cư Kuin - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Giải thể
43	34		Công ty TNHHMTV cà phê Ia Châm	Ia Grai - Gia Lai	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Giải thể
44	35		Công ty TNHHMTV cà phê Ea Bá	Sông Hinh - Phú Yên	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Giải thể
45	36		Công ty TNHHMTV cà phê Ea Tul	Cư M'gar - Đắk Lắk	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	Giải thể
	5		TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM		Bộ NN và PTNT	Công văn số 2296/TTg-ĐMDN ngày 16/12/2015
46	37		Công ty TNHHMTV cao su Bình Long	Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành - Bình Phước	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối

47	38		Công ty TNHHMTV cao su Tân Biên	Tân Biên, Tân Châu - Tây Ninh	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
48	39		Công ty TNHHMTV cao su Phú Riềng	TX Bình Phước, Bù Đăng, Bù Gia Mập - Bình Phước; Tuy Đức - Đắk Nông	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
49	40		Công ty TNHHMTV cao su Lộc Ninh	Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp - Bình Phước	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
50	41		Công ty TNHHMTV cao su Bà Rịa	Châu Đức - Bà Rịa - Vũng Tàu	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
51	42		Công ty TNHHMTV cao su Dầu Tiếng	Dầu Tiếng - Bình Dương	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
52	43		Công ty TNHHMTV - TCT cao su Đồng Nai	Cẩm Mỹ, Long Khánh, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom, Định Quán - Đồng Nai	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
53	44		Công ty TNHHMTV cao su Bình Thuận	Đức Linh - Bình Thuận	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
54	45		Công ty TNHHMTV cao su Kon Tum	Ngọc Hồi, Kon Rẫy, Đắk Hà - Kon Tum	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
55	46		Công ty TNHHMTV cao su Krông Búk	Krông Năng - Đắk Lắk	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
56	47		Công ty TNHHMTV cao su Ea H'Leo	Ea H'Leo - Đắk Lắk	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
57	48		Công ty TNHHMTV cao su Chư Sê	Chư Sê - Gia Lai	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
58	49		Công ty TNHHMTV cao su Chư Păh	Chư Păh, Chư Prông - Gia Lai	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
59	50		Công ty TNHHMTV cao su Chư Prông	Chư Prông, Đắk Đoa - Gia Lai	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
60	51		Công ty TNHHMTV cao su Mang Yang	Chư Sê, Mang Yang, Đắk Đoa - Gia Lai	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
61	52		Công ty TNHHMTV cao su Quảng Ngãi	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
62	53		Công ty TNHHMTV cao su Quảng Nam	Thăng Bình - Quảng Nam	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
63	54		Công ty TNHHMTV cao su Nam Giang - Quang Nam	Nam Giang, Tây Giang, Bắc Trà My - Quảng Nam	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
64	55		Công ty TNHHMTV cao su Quảng Trị	Đông Hà, Gio Linh, Vĩnh Linh - Quảng Trị	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
65	56		Công ty TNHHMTV cao su Hà Tĩnh	Kỳ Anh, Hương Khê - Hà Tĩnh	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
66	57		Công ty TNHHMTV cao su Hương Khê – Hà Tĩnh	Hương Khê - Hà Tĩnh	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
67	58		Công ty TNHHMTV cao su Thanh Hóa	Như Xuân, Cẩm Thủy, Thạch Thành - Thanh Hóa	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	Cổ phần hóa nhà nước chi phối

7			VĨNH PHÚC			Công văn số 445/TTg-ĐMDN ngày 03/04/2015
68	59		Công ty TNHHMTV nông công nghiệp Tam Đảo	Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Công ty TNHH 2 TV
8			HÒA BÌNH			Công văn số 49/TTg-ĐMDN ngày 07/01/2016
69	60		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Cao Phong	Cao Phong - Hòa Bình	UBND tỉnh Hòa Bình	Công ty TNHH 2 TV
70	61		Công ty TNHHMTV nông nghiệp 2/9	Yên Thủy - Hòa Bình	UBND tỉnh Hòa Bình	Công ty TNHH 2 TV
71	62		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Thanh Hà	Kim Bôi - Hòa Bình	UBND tỉnh Hòa Bình	Công ty TNHH 2 TV
72	63		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Sông Bôi	Lạc Thủy - Hòa Bình	UBND tỉnh Hòa Bình	Công ty TNHH 2 TV
73	64		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Cửu Long	Lương Sơn - Hòa Bình	UBND tỉnh Hòa Bình	Giải thể
9			SƠN LA			Chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
74	65		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Tô Hiệu	Mai Sơn - Sơn La	UBND tỉnh Sơn La	Công ty TNHH 2 TV
75		10	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Phù Yên	Phù Yên - Sơn La	UBND tỉnh Sơn La	Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước công ích
76		11	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sốp Cộp	Sốp Cộp - Sơn La	UBND tỉnh Sơn La	Ban quản lý rừng
77		12	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sông Mã	Sông Mã - Sơn La	UBND tỉnh Sơn La	Giải thể
78		13	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Mường La	Mường La - Sơn La	UBND tỉnh Sơn La	Giải thể
79		14	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Mộc Châu	Mộc Châu - Sơn La	UBND tỉnh Sơn La	Giải thể
10			YÊN BÁI			Công văn số 2112/TTg-ĐMDN ngày 19/11/2015
80		15	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ngòi Lao	Văn Chấn - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
81		16	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Thác Bà	Yên Bình - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
82		17	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Việt Hưng	Trấn Yên - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
83		18	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Yên Bình	Yên Bình - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
84		19	Lâm trường Văn Chấn	Văn Chấn - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Sáp nhập vào BQL rừng PH Mù Cang Chải

85		20	Lâm trường Văn Yên	Văn Yên - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Giải thể
86		21	Lâm trường Lục Yên	Lục Yên - Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái	Giải thể
	11		LÀO CAI			Công văn số 1944/TTg-ĐMDN ngày 30/10/2015
87	66		Công ty TNHHMTV chè Phong Hải	Bảo Thắng - Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
88	67		Công ty TNHHMTV chè Thanh Bình	Mường Khương - Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
89		22	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Văn Bàn	Văn Bàn - Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai	Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước công ích
90		23	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bảo Yên	Bảo Yên - Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai	Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước công ích
	12		TUYÊN QUANG			Công văn số 327/TTg-ĐMDN ngày 01/03/2016
91		24	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Chiêm Hóa	Chiêm Hóa - Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang	C. ty TNHH 2 TV
92		25	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Tuyên Bình	TP Tuyên Quang - Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang	C. ty TNHH 2 TV
93		26	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Yên Sơn	Yên Sơn - Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang	C. ty TNHH 2 TV
94		27	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sơn Dương	Sơn Dương - Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang	C. ty TNHH 2 TV
95		28	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi	Yên Sơn - Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	13		THÁI NGUYÊN			Công văn số 210/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2016
96	68		Công ty TNHHMTV chè Phú Lương	Phú Lương - Thái Nguyên	UBND tỉnh Thái Nguyên	Giải thể
97		29	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Võ Nhai	Võ Nhai - Thái Nguyên	UBND tỉnh Thái Nguyên	Giải thể
98		30	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đại Từ	Đại Từ - Thái Nguyên	UBND tỉnh Thái Nguyên	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	14		BẮC KẠN			Công văn số 278/TTg-ĐMDN ngày 23/02/2016
99		31	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bắc Kạn	Na Rì, Bạch Thông, Ba Bể, Chợ Mới, Ngân Sơn, Chợ Đồn, TX Bắc Kạn - Bắc Kạn	UBND tỉnh Bắc Kạn	Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước công ích
	15		QUẢNG NINH			Công văn số 1500/TTg-ĐMDN ngày 24/8/2015
100		32	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đông Triều	Đông Triều - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước công ích

101		33	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Vân Đồn	Vân Đồn - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
102		34	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bình Liêu	Bình Liêu - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
103		35	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Tiên Yên	Tiên Yên - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
104		36	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Uông Bí	Uông Bí - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
105		37	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ba Chẽ	Ba Chẽ - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
106		38	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Hoành Bồ	Hoành Bồ - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
107		39	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Cẩm Phả	Cẩm Phả - Quảng Ninh	UBND tỉnh Quảng Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
16			BẮC GIANG			Công văn số 326/TTg-ĐMDN ngày 29/02/2016
108		40	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Yên Thế	Yên Thế - Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang	Công ty TNHH 2 TV
109		41	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Lục Ngạn	Lục Ngạn - Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang	Công ty TNHH 2 TV
110		42	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Mai Sơn	Lục Nam - Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang	Công ty TNHH 2 TV
111		43	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sơn Động	Sơn Động - Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang	Giải thể
112		44	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Lục Nam	Lục Nam - Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang	Công ty TNHH 2 TV
17			TP HÀ NỘI			Chưa xây dựng phương án
113	69		Công ty ĐTPT nông nghiệp Hà Nội		UBND thành phố Hà Nội	
			XN Dứa Suối Hai	*Ba Vì - Hà Nội*	*UBND TP Hà Nội*	
			XN Nông nghiệp Sông Đà	*Ba Vì - Hà Nội*	*UBND TP Hà Nội*	
			XN chè Lương Mỹ	*Chương Mỹ - Hà Nội, Lương Sơn - Hòa Bình*	*UBND TP Hà Nội*	
18			TP HẢI PHÒNG			Công văn 2282/TTg-ĐMDN ngày 15/12/2015
114	70		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Quý Cao	Tiên Lãng - TP Hải Phòng	UBND thành phố Hải Phòng	Giải thể
19			NINH BÌNH			Công văn số 2287/TTg-ĐMDN ngày 15/12/2016

115	71		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Bình Minh	Kim Sơn - Ninh Bình	UBND tỉnh Ninh Bình	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	20		**NAM ĐỊNH**			Công văn số 704/TTg-ĐMDN ngày 28/4/2016
116	72		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Rạng Đông	Nghĩa Hưng - Nam Định	UBND tỉnh Nam Định	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
117	73		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Bạch Long	Giao Thủy - Nam Định	UBND tỉnh Nam Định	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	21		**THANH HÓA**			Công văn số 1982/TTg-ĐMDN ngày 03/11/2015
118	74		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Yên Mỹ	Nông Cống - Thanh Hóa	UBND tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH 2 TV - TH True Milk
119	75		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Sông Âm	Ngọc Lặc - Thanh Hóa	UBND tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH 2 TV - C.ty TNHH VinEco - VINGROUP
120	76		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Lam Sơn	Ngọc Lặc - Thanh Hóa	UBND tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH 2 TV - Tập đoàn FLC
	22		**NGHỆ AN**			Công văn 321/TTg-ĐMDN ngày 26/02/2016
121		45	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đô Lương	Đô Lương - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
122		46	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Con Cuông	Con Cuông - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
123		47	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Tương Dương	Tương Dương - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
124		48	Công ty TNHHMTV lâm công nghiệp Sông Hiếu	Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
125		49	Công ty TNHHMTV LN Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Ban quản lý rừng sáp nhập với BQL rừng PH Quỳnh Lưu
126	77		Công ty TNHHMTV nông công nghiệp 3/2	Quỳ Hợp - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
127	78		Công ty TNHHMTV ĐTPT chè Nghệ An	Anh Sơn, Con Cuông, Thanh Chương - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
128	79		Công ty TNHHMTV Cà phê, Cao su Nghệ An	Nghĩa Đàn - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
129	80		Công ty TNHHMTV 1/5 (cây ăn quả)	Nghĩa Đàn - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH 2 TV - C.ty TNHH mía đường Nghệ An
130	81		Công ty TNHHMTV NN Xuân Thành	Quỳ Hợp - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH 2 TV - C.ty CP VTNN Nghệ An
131	82		Công ty TNHHMTV nông nghiệp An Ngãi	Tân Kỳ - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH 2 TV - C.ty CP mía đường Sông Con
132	83		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Sông Con	Tân Kỳ - Nghệ An	UBND tỉnh Nghệ An	Chưa xác định mô hình

23			HÀ TĨNH			
133		50	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp & DV Hương Sơn	Hương Sơn - Hà Tĩnh	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Công văn số 1857/TTg-ĐMDN ngày 20/10/2015
134		51	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp & DV Chúc A	Hương Khê - Hà Tĩnh	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
24			QUẢNG BÌNH			Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
135	84		Công ty TNHHMTV Lệ Ninh - Quảng Bình	Lệ Thủy - Quảng Bình	UBND tỉnh Quảng Bình	Công văn số 1682/TTg-ĐMDN ngày 21/9/2015
136	85		Công ty TNHHMTV Việt Trung	Bố Trạch - Quảng Bình	UBND tỉnh Quảng Bình	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
137		52	Công ty TNHHMTV lâm công nghiệp Long Đại	Lệ Thủy, Quảng Ninh, Đồng Hới, Bố Trạch - Quảng Bình	UBND tỉnh Quảng Bình	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
138		53	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bắc Quảng Bình	Bố Trạch, Ba Đồn, Minh Hóa - Quảng Bình	UBND tỉnh Quảng Bình	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước SXKD
25			QUẢNG TRỊ			Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
139		54	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đường 9	Đông Hà - Quảng Trị	UBND tỉnh Quảng Trị	Công văn số 2119/TTg-ĐMDN ngày 20/11/2015
140		55	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bến Hải	Vĩnh Linh - Quảng Trị	UBND tỉnh Quảng Trị	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
141		56	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Triệu Hải	TX Quảng Trị - Quảng Trị	UBND tỉnh Quảng Trị	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
26			THỪA THIÊN - HUẾ			Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
142		57	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Phong Điền	Phong Điền - Thừa thiên Huế	UBND tỉnh Thừa thiên - Huế	Công văn số 328/TTg-ĐMDN ngày 02/03/2016
143		58	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Tiền Phong	Hương Thủy - Thừa thiên Huế	UBND tỉnh Thừa thiên - Huế	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
144		59	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Phú Lộc	Phú Lộc - Thừa thiên Huế	UBND tỉnh Thừa thiên - Huế	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
145		60	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Nam Hoà	Hương Thủy - Thừa thiên Huế	UBND tỉnh Thừa thiên - Huế	Giải thể
27			QUẢNG NAM			Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
146	86		Công ty TNHHMTV nông lâm nghiệp Quyết Thắng	Đông Giang - Quảng Nam	UBND tỉnh Quảng Nam	Công văn số 2176/TTg-ĐMDN ngày 01/12/2015
28			QUẢNG NGÃI			Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
147	87		Công ty TNHHMTV nông nghiệp 24/3 Đức Phổ	Đức Phổ - Quảng Ngãi	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015
						Cổ phần hóa nhà nước không chi phối

148		61	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ba Tô	Ba Tơ - Quảng Ngãi	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
149		62	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Trà Tân	Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Giải thể
29			**KHÁNH HÒA**			**Công văn số 1274/TTg-ĐMDN ngày 05/8/2015**
150		63	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Trầm Hương	Khánh Vĩnh - Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
151		64	Công ty TNHHMTV lâm sản Khánh Hòa	Nha Trang - Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
30			**BÌNH ĐỊNH**			**Công văn số 1548/TTg-ĐMDN ngày 01/9/2015**
152		65	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Quy Nhơn	Quy Nhơn - Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
153		66	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Hà Thanh	Quy Nhơn - Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
154		67	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sông Kôn	Vĩnh Thạnh - Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
31			**KON TUM**			**Công văn số 1829/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015**
155		68	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đắk Tô	Đắk Tô, Tu Mơ Rông - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước SXKD
156		69	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đắk Hà	Đắk Hà, Sa Thầy - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
157		70	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đắk Glei	Đắk Glei - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
158		71	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ngọc Hồi	Ngọc Hồi - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
159		72	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sa Thầy	Sa Thầy - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
160		73	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Kon P'lông	Kon P'lông - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
161		74	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Kon Rẫy	Kon P'lông, Đắk Ruồng - Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
32			**GIA LAI**			**Công văn số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015**
162	88		Công ty TNHHMTV chè Biển Hồ	Chư Păh - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
163	89		Công ty TNHHMTV chè Bàu Cạn	Chư Prông - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
164	90		Công ty TNHHMTV cà phê Gia Lai	Chư Sê, Chư Prông, Ia Grai - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối

165		75	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Kông Chiêng	Mang Yang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
166		76	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Krông Pắk	Krông Pắk - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
167		77	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ia Pa	Kông Ch'ro - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
168		78	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Kông Ch'ro	Kông Ch'ro - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
169		79	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Kông H'de	Kông Ch'ro - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
170		80	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ka Nak	K'Bang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
171		81	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đăk Roong	K'Bang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
172		82	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Hà Nừng	K'Bang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
173		83	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Lơ Ku	K'Bang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
174		84	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sơ Pai	K'Bang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
175		85	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Trạm Lập	K'Bang - Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
	33		ĐẮK NÔNG			Công văn số 1827/TTg-ĐMDN ngày 14/10/2015
176	91		Công ty TNHHMTV cà phê Thuận An	Đắk Mil - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
177	92		Công ty TNHHMTV cà phê Đức Lập	Đắk Mil - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
178		86	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Nam Nung	Krông Nô - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
179		87	Công ty TNHHMTV Đầu tư phát triển Đại Thành	Đắk Mil - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
180		88	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đắk N'Tao	Đắk Song - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
181		89	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đức Hoà	Đắk Song - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
182		90	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	Đắk R'Lấp, Tuy Đức - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
183		91	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đắk Wil	Cư Jút - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
184		92	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Quảng Sơn	Đắk G'Long - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích

185		93	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đắk Măng	Đắk G'Long - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý rừng
186		94	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Trường Xuân	Đắk Song - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Giải thể
187		95	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Thuận Tân	Đắk Song, Đắk Mil - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Giải thể
188		96	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Gia Nghĩa	Gia Nghĩa - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Giải thể
189		97	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đức Lập	Krông Nô - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Giải thể
190		98	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Quảng Đức	Krông Nô - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Giải thể
191		99	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Quảng Tín	Đắk R'Lấp - Đắk Nông	UBND tỉnh Đắk Nông	Giải thể
	34		**ĐẮK LẮK**			Công văn số 1832/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015
192	93		Công ty TNHHMTV cao su Đắk Lắk	TP Buôn Ma Thuột, Cư Kuin, Buôn Hồ, Cư M'gar, Krông Búk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
193	94		Công ty TNHHMTV cà phê Thắng Lợi	TP Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
194	95		Công ty TNHHMTV cà phê Phước An	Krông Pắk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
195	96		Công ty TNHHMTV cà phê ca cao Tháng 10	Krông Pắk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
196	97		Công ty TNHHMTV cà phê Ea Pốk	Cư M'gar - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
197	98		Công ty TNHHMTV SXKDTH Krông Ana	Krông Ana - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
198	99		Công ty TNHHMTV cà phê Cư Pul	Krông Pắk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - Cty TNHH Thái Bình Dương
199	100		Công ty TNHHMTV cà phê Buôn Ma Thuột	TP Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Giải thể
200	101		Công ty TNHHMTV cà phê Dray H'Linh	TP Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Giải thể
201	102		Công ty TNHHMTV cà phê ca cao Krông Ana	Krông Ana - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Giải thể
202		100	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ea H'Mơ	Ea Soup - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - C.ty CP cao su Phước Hòa
203		101	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ya Lốp	Ea Soup - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - C.ty CP cao su Phước Hòa
204		102	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Rừng Xanh	Ea Soup - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - Cty CPTP sữa TN - TH True Milk

205		103	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Chư Ma Lanh	Ea Soup - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - Cty CPTP sữa TN - TH True Milk
206		104	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Thuần Mẫn	Ea H'Leo - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - Cty TNHH Hoàng Thiên
207		105	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ea H'Leo	Ea H'Leo - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - Cty TNHH Vĩnh Hưng Thịnh
208		106	Công ty TNHHMTV ĐTPT lâm nghiệp Buôn Za Wầm	Cư M'gar - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - Cty CP ĐTPTNN Hoàng Khang
209		107	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Phước An	Krông Pắk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty TNHH 2 TV - C.ty CP LangBian
210		108	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ea Kar	Ea Kar - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
211		109	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Chư Phả	Ea H'Leo - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
212		110	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Buôn Wing	Krông Búk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
213		111	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp M'Đắk	M'Đrắk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
214		112	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Krông Bông	Krông Bông - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
215		113	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ea Wy	Ea H'Leo - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
216		114	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Lắk	Lắk - Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Ban quản lý rừng
35			LÂM ĐỒNG			Công văn số 2201/TTg-ĐMDN ngày 04/12/2015
217		115	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Di Linh	Di Linh - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
218		116	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm	Bảo Lâm - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
219		117	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đơn Dương	Đơn Dương - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
220		118	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lộc Bắc	Bảo Lâm - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
221		119	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tam Hiệp	Di Linh - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
222		120	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Thuận	Di Linh - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
223		121	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đạ Huoai	Đạ Huoai - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
224		122	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đạ Tẻh	Đạ Tẻh - Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích

16 tháng

36			BÌNH PHƯỚC			
225	103		Công ty TNHHMTV cao su Sông Bé	Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng - Bình Phước; Bến Cát - Bình Dương	UBND tỉnh Bình Phước	Công văn số 2286/TTg-ĐMDN ngày 15/12/2015 Cổ phần hóa nhà nước chi phối
226	104		Công ty TNHHMTV cao su Phước Long	Phước Long - Bình Phước	Tỉnh ủy Bình Phước	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
227	105		Công ty TNHHMTV cao su Bình Phước	Đồng Phú - Bình Phước	Tỉnh ủy Bình Phước	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
37			NINH THUẬN			
228		123	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Tân Tiến	Bác Ái - Ninh Thuận	UBND tỉnh Ninh Thuận	Công văn số 507/TTg-ĐMDN ngày 29/03/2016 Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
229		124	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ninh Sơn	Ninh Sơn - Ninh Thuận	UBND tỉnh Ninh Thuận	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
38			BÌNH THUẬN			
230		125	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Hàm Tân	Hàm Tân - Bình Thuận	UBND tỉnh Bình Thuận	Công văn số 2095/TTg-ĐMDN ngày 16/11/2015 Công ty TNHH 2 TV
231		126	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bình Thuận	Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình - Bình Thuận	UBND tỉnh Bình Thuận	Công ty TNHH 2 TV
232		127	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sông Dinh	Tánh Linh - Bình Thuận	UBND tỉnh Bình Thuận	Công ty lâm nghiệp 100 % vốn nhà nước công ích
233		128	Công ty lâm nghiệp Tánh Linh	Tánh Linh - Bình Thuận	UBND tỉnh Bình Thuận	Giải thể
39			TP HỒ CHÍ MINH			
234	106		Công ty TNHHMTV cây trồng thành phố	Bình Chánh - TP Hồ Chí Minh	TCT NN Sài Gòn - UBND TP Hồ Chí Minh	Chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Cổ phần hóa nhà nước chi phối
235	107		Công ty TNHHMTV bò sữa	Củ Chi - TP Hồ Chí Minh	TCT NN Sài Gòn - UBND TP Hồ Chí Minh	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
40			TÂY NINH			
236	108		Công ty TNHHMTV mía đường Tây Ninh	Tân Châu - Tây Ninh	UBND tỉnh Tây Ninh	Công văn số 76/TTg-ĐMDN ngày 13/01/2012 Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
237	109		Công ty TNHHMTV cao su 1/5	Tân Châu - Tây Ninh	UBND tỉnh Tây Ninh	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
238	110		Công ty TNHHMTV cao su 22/12	Tân Biên, Tân Châu - Tây Ninh	Tỉnh đội Tây Ninh	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
239	111		Công ty TNHHMTV Thanh niên xung phong	Tân Châu, Dương Minh Châu - Tây Ninh	Tỉnh đoàn Tây Ninh	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD
240	112		Công ty TNHHMTV cao su 30/4	Tân Biên, Châu Thành, Trảng Bàng, Dương Minh Châu - Tây Ninh	Tỉnh ủy Tây Ninh	Công ty nông nghiệp 100% vốn nhà nước SXKD

	41		BÌNH DƯƠNG			
241	113		Công ty TNHHMTV cao su Bình Dương	Bến Cát - Bình Dương	Becamex - UBND tỉnh Bình Dương	Công văn số 2444/TTg-ĐMDN ngày 05/12/2014
242		129	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bình Dương	Phú Giáo - Bình Dương	TCT Thành Lễ - UBND tỉnh Bình Dương	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	42		ĐỒNG NAI			Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
243	114		*Tổng công ty CN thực phẩm Đồng Nai*			Công văn số 2022/TTg-ĐMDN ngày 09/11/2015
			Công ty nông nghiệp Đồng Nai HTPT	Trảng Bom - Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai	
			Công ty sữa Đồng Nai HTPT	Long Khánh - Đồng Nai	TCT CNTP Đồng Nai - UBND tỉnh Đồng N	Công ty TNHH 2 TV - C.ty TNHH VinEco - VINGROUP
244	115		Công ty TNHHMTV Cao su CN	Long Khánh - Đồng Nai	TCT CNTP Đồng Nai - UBND tỉnh Đồng N	
245	116		Công ty TNHHMTV NN Thọ Vực	Xuân Lộc - Đồng Nai	TCT CNTP Đồng Nai - UBND tỉnh Đồng N	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	43		BÀ RỊA - VŨNG TÀU			Giải thể
246		130	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Bà Rịa	Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công văn số 329/TTg-ĐMDN ngày 02/03/2016
	44		LONG AN			Công ty TNHH 2 TV
247	117		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Đồng Tháp I	Tân Hưng, Vĩnh Hưng - Long An	UBND tỉnh Long An	Công văn số 2205/TTg-ĐMDN ngày 03/12/2015
248		131	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Đồng Tháp 4	Thạnh Hóa - Long An	UBND tỉnh Long An	Công ty nông nghiệp100% vốn nhà nước SXKD
	45		TP CẦN THƠ			Công ty lâm nghiệp 100% vốn nhà nước công ích
249	118		Công ty TNHHMTV nông nghiệp Cờ Đỏ	Cờ Đỏ - TP Cần Thơ	UBND thành phố Cần Thơ	Phải xây dựng lại phương án trong quý 2/2016
250	119		Nông trường Sông Hậu	Cờ Đỏ - TP Cần Thơ	UBND thành phố Cần Thơ	Chưa xác định mô hình
	48		CÀ MAU			Chưa xác định mô hình
251		132	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp U Minh Hạ	Trần Văn Thời, U Minh, Thới Bình - Cà Mau	UBND tỉnh Cà Mau	Công văn số 2008/TTg-ĐMDN ngày 06/11/2015
252		133	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Ngọc Hiển	Năm Căn, Ngọc Hiển - Cà Mau	UBND tỉnh Cà Mau	Cổ phần hóa nhà nước chi phối
	49		SÓC TRĂNG			Cổ phần hóa nhà nước chi phối
						Công văn số 262/TTg-ĐMDN ngày 18/02/2016

253		134	Công ty TNHHMTV lâm nghiệp Sóc Trăng	Mỹ Tú, Thạnh Trị, Châu Thành - Sóc Trăng	UBND tỉnh Sóc Trăng	Cổ phần hóa nhà nước không chi phối
	47		**KIÊN GIANG**			
254	120		Công ty TNHHMTV nông lâm nghiệp Kiên Giang	Hòn Đất, Kiên Lương - Kiên Giang	UBND tỉnh Kiên Giang	**Công văn số 1454/TTg-ĐMDN ngày 21/8/2015** Công ty TNHH 2 TV
254	120	134				

PHỤ LỤC 05: HIỆN TRẠNG ĐẤT ĐAI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP (31/12/2015)

(Kèm theo Báo cáo số 6324/BC-BNN-QLDN ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại đất	Tổng số	Doanh nghiệp thuộc địa phương			Doanh nghiệp thuộc Trung ương		
			Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp	Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp
1	**Đất nông nghiệp**	**2,383,611.67**	**1,801,658.59**	**125,837.25**	**1,675,821.35**	**514,809.48**	**329,956.75**	**127,630.44**
1.1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	***438,605.30***	***125,888.56***	***91,612.92***	***34,275.64***	***312,716.74***	***289,661.23***	***1,212.60***
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	**57,248.10**	37,271.97	27,450.62	9,821.35	19,976.13	6,094.93	461.10
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	**370,495.60**	77,934.78	62,197.26	15,737.52	292,560.82	283,388.43	749.58
1.1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	**10,809.17**	10,629.38	1,912.61	8,716.77	179.79	177.87	1.92
1.2	***Đất lâm nghiệp***	***1,865,319.41***	***1,666,251.91***	***33,375.66***	***1,632,876.26***	***199,067.50***	***38,516.02***	***125,433.94***
1.2.1	Rừng sản xuất	**1,550,386.82**	1,374,305.71	27,615.36	1,346,690.36	176,081.11	34,084.21	112,879.36
1.2.1.1	*Rừng tự nhiên*	**939,201.86**	*903,617.06*	*4,588.80*	*899,028.26*	*35,584.80*	*7,386.35*	*18,756.44*
1.2.1.2	*Rừng trồng*	**349,551.26**	*263,748.04*	*19,485.73*	*244,262.32*	*85,803.22*	*11,529.85*	*66,984.38*
1.2.1.3	*Đất chưa có rừng*	**261,633.70**	*206,940.61*	*3,540.83*	*203,399.78*	*54,693.09*	*15,168.01*	*27,138.54*
1.2.3	Rừng phòng hộ	**311,937.29**	288,954.70	5,387.54	283,567.16	22,982.59	4,431.81	12,550.78
1.2.2.1	*Rừng tự nhiên*	**239,432.38**	*222,399.18*	*4,379.17*	*218,020.01*	*17,033.20*	*1,619.15*	*9,414.05*
1.2.2.2	*Rừng trồng*	**31,446.50**	*28,576.84*	*766.65*	*27,810.19*	*2,869.66*	*607.32*	*2,262.34*
1.2.2.3	*Đất chưa có rừng*	**41,058.41**	*37,978.68*	*241.72*	*37,736.96*	*3,079.73*	*2,205.34*	*874.39*
1.2.3	Rừng đặc dụng	**3,304.85**	3,301.05	372.76	2,928.29	3.80	0.00	3.80
1.3	***Đất nông nghiệp khác***	***12,543.36***	***9,518.12***	***848.67***	***8,669.45***	***3,025.24***	***1,779.50***	***983.90***
2	Đất phi nông nghiệp	**43,289.90**	**15,574.87**	**6,300.69**	**9,274.19**	**27,715.03**	**17,332.93**	**5,311.02**
3	Đất chưa sử dụng	**8,148.77**	**2,058.45**	**888.63**	**1,169.82**	**6,090.32**	**3,526.21**	**2,547.31**
TỔNG SỐ		**2,383,611.67**	**1,819,239.50**	**132,974.13**	**1,686,265.37**	**564,372.17**	**350,815.89**	**151,246.11**

PHỤ LỤC 06: CÁC HÌNH THỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Báo cáo số 6324/BC-BNN-QLDN ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại đất	Tổng số	Doanh nghiệp thuộc địa phương			Doanh nghiệp thuộc Trung ương		
			Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp	Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp
I	**Tự tổ chức sản xuất**	**1,608,067.05**	**1,226,685.06**	**53,850.29**	**1,172,834.77**	**381,381.99**	**333,562.23**	**47,819.76**
II	**Khoán**	**545,305.03**	**393,864.46**	**61,407.15**	**332,457.31**	**151,440.57**	**63,090.82**	**88,349.75**
1	Khoán 01/CP	**32,291.01**	**23,852.33**	10,273.60	13,578.73	**8,438.68**	7,615.79	822.89
2	Khoán 135/2005/NĐ-CP	**253,715.84**	**153,396.25**	45,490.67	107,905.58	**100,319.59**	26,694.70	73,624.89
3	Khoán quản lý, bảo vệ	**203,590.26**	**203,590.26**	1,309.44	202,280.82	**0.00**	0.00	0.00
4	Khoán khác	**53,353.67**	**10,671.37**	3,869.55	6,801.82	**42,682.30**	28,780.33	13,901.97
5	Khoán trắng	**1,151.79**	**1,151.79**	463.89	687.90	**0.00**	0.00	0.00
III	**Hình thức sử dụng khác**	**230,239.60**	**198,689.99**	**17,716.70**	**180,973.29**	**31,549.61**	**16,473.01**	**15,076.60**
1	Cho thuê	**25.98**	**4.86**	4.86	0.00	**21.12**	21.12	0.00
2	Cho mượn	**1,803.18**	**1,518.02**	1,327.10	190.92	**285.16**	285.16	0.00
3	Lấn chiếm	**137,205.04**	**111,789.18**	4,538.39	107,250.80	**25,415.86**	11,113.66	14,302.20
4	Tranh chấp	**11,882.79**	**9,101.30**	898.96	8,202.34	**2,781.49**	2,331.59	449.90
5	Cấp trùng	**27,883.17**	**26,750.10**	223.33	26,526.78	**1,133.07**	1,133.07	0.00
6	Liên doanh, liên kết, HTĐT	**52,505.64**	**50,592.73**	10,698.88	39,893.85	**1,912.91**	1,588.41	324.50
7	Chưa sử dụng	**122.31**	**122.31**	25.21	97.10	**0.00**	0.00	0.00
TỔNG SỐ		**2,383,611.67**	**1,819,239.50**	**132,974.13**	**1,686,265.37**	**564,372.17**	**413,126.06**	**151,246.11**

PHỤ LỤC 07: DIỆN TÍCH ĐẤT CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP DỰ KIẾN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 6314/BC-BNN-QLDN ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại đất	Tổng số	Doanh nghiệp thuộc địa phương			Doanh nghiệp thuộc Trung ương		
			Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp	Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp
1	Đất nông nghiệp	436,178.01	339,765.42	40,563.40	292,436.45	96,412.59	42,598.43	53,814.16
1.1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	*68,661.03*	*39,147.29*	*16,496.15*	*22,639.64*	*29,513.74*	*28,714.33*	*799.41*
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	24,819.38	11,269.44	3,745.08	7,596.21	13,549.94	13,306.74	243.20
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	35,127.53	19,183.21	12,242.43	6,857.43	15,944.32	15,388.11	556.21
1.1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	9,052.36	9,032.88	508.64	8,524.24	19.48	19.48	0.00
1.2	***Đất lâm nghiệp***	*362,061.43*	*296,099.37*	*23,886.45*	*265,458.85*	*65,962.06*	*12,968.96*	*52,993.10*
1.2.1	Rừng sản xuất	328,195.27	266,361.42	18,261.62	246,966.13	61,833.85	12,957.27	48,876.58
1.2.1.1	*Rừng tự nhiên*	99,154.23	*81,825.50*	*4,209.60*	*76,702.70*	*17,328.73*	*2,341.78*	*14,986.95*
1.2.1.2	*Rừng trồng*	87,675.24	*71,059.48*	*10,835.12*	*60,003.89*	*16,615.76*	*4,066.52*	*12,549.24*
1.2.1.3	*Đất chưa có rừng*	139,599.60	*111,710.24*	*3,216.90*	*110,259.54*	*27,889.36*	*6,548.97*	*21,340.39*
1.2.3	Rừng phòng hộ	34,643.47	30,515.56	5,322.88	18,759.78	4,127.91	11.69	4,116.22
1.2.2.1	*Rừng tự nhiên*	21,233.15	*18,665.47*	*4,360.68*	*12,765.79*	*2,567.68*	*1.66*	*2,566.02*
1.2.2.2	*Rừng trồng*	5,575.59	*4,492.24*	*720.48*	*1,699.76*	*1,083.35*	*5.35*	*1,078.00*
1.2.2.3	*Đất chưa có rừng*	9,646.59	*9,169.71*	*241.72*	*6,094.23*	*476.88*	*4.68*	*472.20*
1.2.3	Rừng đặc dụng	344.74	344.44	301.95	42.49	0.30	0.00	0.30
1.3	***Đất nông nghiệp khác***	*5,455.55*	*4,518.76*	*180.80*	*4,337.96*	*936.79*	*915.14*	*21.65*
2	Đất phi nông nghiệp	13,576.49	7,106.14	2,303.29	4,786.91	6,470.35	3,178.12	3,292.23
3	Đất chưa sử dụng	2,300.87	1,091.09	711.71	379.83	1,209.78	199.69	1,010.09
TỔNG SỐ		452,055.37	347,962.65	43,578.39	297,602.75	104,092.72	45,976.24	58,116.48

PHỤ LỤC 08: DIỆN TÍCH ĐẤT CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP DỰ KIẾN GIỮ LẠI QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Báo cáo số 6311/BC-BNN-QLDN ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại đất	Tổng số	Doanh nghiệp thuộc địa phương			Doanh nghiệp thuộc Trung ương		
			Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp	Tổng số	Công ty nông nghiệp	Công ty lâm nghiệp
1	Đất nông nghiệp	1,902,806.89	1,468,658.75	85,273.85	1,383,384.90	434,148.14	344,580.61	89,567.53
1.1	*Đất sản xuất nông nghiệp*	*369,955.78*	*86,752.78*	*75,116.78*	*11,636.00*	*283,203.00*	*282,789.81*	*413.19*
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	32,356.87	25,930.68	23,705.54	2,225.14	6,426.19	6,208.29	217.90
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	335,451.43	58,834.92	49,954.83	8,880.09	276,616.51	276,423.14	193.37
1.1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	1,756.81	1,596.50	1,403.97	192.53	160.31	158.39	1.92
1.2	*Đất lâm nghiệp*	*1,525,761.74*	*1,376,906.61*	*9,489.21*	*1,367,417.41*	*148,855.13*	*60,664.60*	*88,190.53*
1.2.1	Rừng sản xuất	1,238,911.81	1,109,077.96	9,353.74	1,099,724.23	129,833.85	50,244.48	79,589.37
1.2.1.1	*Rừng tự nhiên*	841,409.15	*822,704.76*	*379.20*	*822,325.56*	*18,704.39*	*14,486.58*	*4,217.81*
1.2.1.2	*Rừng trồng*	273,501.99	*192,909.03*	*8,650.61*	*184,258.43*	*80,592.96*	*14,752.32*	*65,840.64*
1.2.1.3	*Đất chưa có rừng*	124,000.67	*93,464.17*	*323.93*	*93,140.24*	*30,536.50*	*21,005.58*	*9,530.92*
1.2.3	Rừng phòng hộ	283,889.82	264,872.04	64.66	264,807.38	19,017.78	10,420.12	8,597.66
1.2.2.1	*Rừng tự nhiên*	219,738.23	*205,272.71*	*18.49*	*205,254.22*	*14,465.52*	*7,617.49*	*6,848.03*
1.2.2.2	*Rừng trồng*	28,106.01	*26,156.60*	*46.17*	*26,110.43*	*1,949.41*	*601.97*	*1,347.44*
1.2.2.3	*Đất chưa có rừng*	34,245.58	*31,642.73*	*0.00*	*31,642.73*	*2,602.85*	*2,200.66*	*402.19*
1.2.3	Rừng đặc dụng	2,960.11	2,956.61	70.81	2,885.80	3.50	0.00	3.50
1.3	*Đất nông nghiệp khác*	*7,089.37*	*4,999.36*	*667.87*	*4,331.49*	*2,090.01*	*1,126.20*	*963.81*
2	Đất phi nông nghiệp	29,735.45	8,484.68	3,997.40	4,487.28	21,250.77	19,225.89	2,024.88
3	Đất chưa sử dụng	5,847.90	967.36	176.92	790.44	4,880.54	3,343.32	1,537.22
TỔNG SỐ		1,938,337.80	1,478,058.35	89,395.74	1,388,662.61	460,279.45	367,149.82	93,129.63